

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI

VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05 - 28
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tiền thân là Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Máy CNC là Công ty Cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất.

Trụ sở chính của Công ty tại số 256 – Kim Giang – Hoàng Mai – Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Văn Vũ	Chủ tịch
Ông Đỗ Tiến Dũng	Phó Chủ tịch
Bà Tạ Thị Ngọc Thanh	Ủy viên
Ông Vũ Quang Huy	Ủy viên
Ông Vũ Trọng Hiến	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Quang Huy	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Bảo Hiền	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Ủy viên
Bà Lê Thị Thúy Hằng	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Cam kết khác

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Vũ Quang Huy

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2014

Số: /2014/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2014

Hoàng Thúy Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0762-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		39.375.263.425	28.715.430.756
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.111.329.299	5.344.926.092
111	1. Tiền		3.111.329.299	1.344.926.092
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	10.000.000.000	6.650.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		10.000.000.000	6.650.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		13.329.898.424	4.247.237.745
131	1. Phải thu khách hàng		1.805.341.242	4.250.537.099
132	2. Trả trước cho người bán		13.291.130	24.210.000
135	3. Các khoản phải thu khác	5	11.820.575.050	281.799.644
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(309.308.998)	(309.308.998)
140	IV. Hàng tồn kho	6	12.804.385.617	12.337.980.157
141	1. Hàng tồn kho		12.804.385.617	12.461.217.977
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(123.237.820)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		129.650.085	135.286.762
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		68.767.580	60.124.979
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	14.279.278
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	56.966.236	56.966.236
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	3.916.269	3.916.269
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.292.019.248	10.786.170.745
220	I. Tài sản cố định		4.758.992.459	5.212.044.971
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	4.758.992.459	5.212.044.971
222	- Nguyên giá		8.015.554.310	8.015.554.310
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.256.561.851)	(2.803.509.339)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	132.000.000	4.980.122.354
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	7.500.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác		132.000.000	132.000.000
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(2.651.877.646)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		401.026.789	594.003.420
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	387.026.789	580.003.420
268	2. Tài sản dài hạn khác		14.000.000	14.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		44.667.282.673	39.501.601.501

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		6.347.458.791	1.742.777.784
310	I. Nợ ngắn hạn		6.347.458.791	1.742.777.784
312	1. Phải trả người bán		3.846.833.014	1.313.524.395
313	2. Người mua trả tiền trước		2.351.981.401	96.864.400
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	23.127.198	-
316	4. Chi phí phải trả		-	38.576.230
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	112.256.430	280.552.011
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		13.260.748	13.260.748
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		38.319.823.882	37.758.823.717
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	38.319.823.882	37.758.823.717
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		42.000.000.000	42.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.000.000	20.000.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		91.265.975	91.265.975
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		31.656.505	31.656.505
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.823.098.598)	(4.384.098.763)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		44.667.282.673	39.501.601.501

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Chỉ tiêu	30/06/2014	01/01/2014
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	11.754.000.000	-
2. Ngoại tệ các loại		
- USD	230,86	230,86

Vũ Quang Huy

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2014

Ngô Thu Hằng

Phụ trách kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	18.413.627.083	14.983.573.208
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.413.627.083	14.983.573.208
11	3. Giá vốn hàng bán	16	17.515.613.072	14.686.992.823
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		898.014.011	296.580.385
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	17	251.732.584	259.174.508
22	6. Chi phí tài chính	18	(2.644.433.202)	1.030.000
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.444.444	1.030.000
24	7. Chi phí bán hàng		-	29.543.636
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	1.439.758.426	652.575.819
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.354.421.371	(127.394.562)
31	10. Thu nhập khác	20	1.522.355.283	734.458
32	11. Chi phí khác	21	3.315.776.489	3.888.349
40	12. Lợi nhuận khác		(1.793.421.206)	(3.153.891)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		561.000.165	(130.548.453)
51	. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>561.000.165</u>	<u>(130.548.453)</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	134	(31)

Vũ Quang Huy

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2014

Ngô Thu Hằng

Phụ trách kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014**(Theo phương pháp trực tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		25.005.302.649	23.849.536.809
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(19.222.416.209)	(22.858.551.799)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.581.338.478)	(2.092.830.674)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(7.444.444)	(56.430.000)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh ^[*]		5.586.743.435	50.070.122
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh ^[*]		(16.659.189.330)	(470.196.075)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.878.342.377)	(1.578.401.617)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(17.825.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(13.000.000.000)	(23.450.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		9.650.000.000	19.000.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.500.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		493.943.863	231.154.508
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.643.943.863	(4.236.670.492)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		5.000.000.000	-
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.000.000.000)	(1.320.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(1.320.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.234.398.514)	(7.135.072.109)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.344.926.092	10.937.908.921
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		801.721	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>3.111.329.299</u>	<u>3.802.836.812</u>

[*] Trong đó 4.135.000.000 VND là số tiền đã thu được từ các xe đã bán của khách hàng ký gửi và 15.889.000.000 VND là số tiền chi để nhận xe bán hộ.

Vũ Quang Huy

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2014

Ngô Thu Hằng

Phụ trách kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tiền thân là Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Máy CNC là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất. Công ty được thành lập theo Biên bản thỏa thuận thành lập công ty cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Nhựa kỹ thuật ngày 22 tháng 02 năm 2000 giữa Viện máy và dụng cụ công nghiệp Việt Nam, Công ty TNHH Trảng An và Công ty nhựa Thiếu niên Tiền phong.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 256 - Kim Giang - Hoàng Mai - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 42.000.000.000 VND (*Bốn mươi hai tỷ đồng chẵn*). Tương đương 4.200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Thông tin về các công ty liên doanh của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 9.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101116000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 03 năm 2001, thay đổi lần 11 ngày 19 tháng 05 năm 2014 hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất vật liệu mới, nhựa compozit;
- Sản xuất vật tư, máy, các thiết bị công nghiệp và hàng cơ khí tiêu dùng, sản xuất máy công cụ;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa kỹ thuật;
- Gia công kim loại;
- Sản xuất nhôm;
- Sản xuất máy công cụ, máy điều khiển CNC;
- Sản xuất khuôn mẫu chính xác cho ngành nhựa;
- Kinh doanh vật tư, máy, các thiết bị công nghiệp và hàng cơ khí tiêu dùng, kinh doanh máy công cụ, máy điều khiển CNC;
- Kinh doanh khuôn mẫu chính xác cho ngành nhựa, kinh doanh các sản phẩm nhựa kỹ thuật;

- Lắp ráp máy công cụ;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm; Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, Công ty đẩy mạnh các hoạt động mua bán xe đây là các hoạt động mang lại doanh thu chính của Công ty trong kỳ dẫn đến doanh thu bán hàng kỳ này tăng 53,3% so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời Công ty cũng đã thanh lý hết các vật tư tồn đọng của hoạt động sản xuất cơ khí đã ngừng hoạt động kinh doanh từ kỳ trước.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

2.3. Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 20 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 07 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 năm |

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, có thông báo của Hội đồng quản trị và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	2.399.139.229	972.920.456
Tiền gửi ngân hàng	712.190.070	372.005.636
Các khoản tương đương tiền	-	4.000.000.000
	3.111.329.299	5.344.926.092

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	10.000.000.000	6.650.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ^[*]	10.000.000.000	-
- Cho Ông Trần Văn Dũng vay	-	3.450.000.000
- Cho Bà Lê Thu Hiền vay	-	3.200.000.000
	10.000.000.000	6.650.000.000

^[*] Cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh vay theo các hợp đồng vay ngắn hạn với thời hạn 3 tháng, lãi suất cho vay 8,5 %/ năm. Hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khác	11.820.575.050	281.799.644
- Phải thu về bảo hiểm CBNV	48.868.050	21.079.644
- Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	17.707.000	260.720.000
- Phải thu khác tiền chi trả cho khách hàng ký gửi xe ô tô ^[*]	11.754.000.000	-
	11.820.575.050	281.799.644

[*] Chi tiết các khoản ứng trước nhận xe bán ký gửi

	30/06/2014
	VND
- Bà Phan Thị Thu Hương xe Mer E300 51NN507.81. Số khung RLMHF5EX49V000332	1.345.000.000
- Ông Bùi Hoàng Hải xe HIACE 52LD4928. Số khung RL4RX13P499002426	580.000.000
- Ông Hiến Anh Vũ xe Xe CRV 56P3742. Số khung KLHRE3875AY901265	785.000.000
- Ông Kiều Văn Thế xe Mer C250 29A-263.22. Số khung RLMGF4HX49V001630	880.000.000
- Ông Lê Dũng xe Mer GLK 51A-469.60. Số khung RLMGG81X79V001250	915.000.000
- Ông Nguyễn Tuấn Đức xe Mer GL450 30A-058.90. Số khung 4JGBF71E17A214196	1.100.000.000
- Ông Nguyễn Tài Hưng xe C250 29A-931.64. Số khung RLMGF4HX0BV003476	800.000.000
- Ông Nguyễn Vinh Quang xe Mer C200 51A-681.53. Số khung RLMGF4JX8AV002665	930.000.000
- Ông Nguyễn Văn Quý xe Mer C250 29A989.87. Số khung RLMHF4HXXAV000619	1.200.000.000
- Bà Phạm Thị Linh xe CRV 51A-606.56. Số khung RKTRE18409F013946	740.000.000
- Bà Trần Thị Thanh Hương xe CRV 51A768.10. Số khung RLHRE38739Y900546	709.000.000
- Ông Võ Thành Dũng xe Mer C200 56S0179. Số khung RLMGP4JX7AV002530	770.000.000
- Bà Đỗ Thị Hương Ly xe GLK 29A270.69. Số khung RLMGG81X29V001186	1.000.000.000
	11.754.000.000

Trong 6 tháng đầu năm 2014 Công ty thực hiện các hợp đồng ký gửi hàng hóa với các điều khoản như sau:

- Công ty Cổ phần Sản xuất , Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (bên A) nhận ký gửi xe ô tô bán hộ cho các cá nhân (bên B).
- Bên B đồng ý cho bên A bán xe thuộc sở hữu bên B với giá bán tối thiểu được quy định cụ thể theo từng hợp đồng. Bên A sẽ được hưởng hoa hồng là toàn bộ số tiền chênh lệch giữa giá bán thực tế và giá bán tối thiểu. Trường hợp 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng bên A chưa bán được xe thì hai bên có thể thỏa thuận lại về giá bán đã quy định trong hợp đồng.
- Về điều khoản thanh toán: Bên A sẽ thanh toán ứng trước cho bên B theo giá bán tối thiểu ngay sau khi ký hợp đồng và nhận xe ký gửi.
- Bên A thay mặt bên B thu tiền bán xe từ khách hàng và hưởng hoa hồng theo điều khoản hợp đồng.
- Số dư phải thu khác 11.754.000.000 VND là số tiền Công ty đã ứng cho các cá nhân để nhận xe ký gửi theo hợp đồng tại thời điểm 30/06/2014.

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.665.763.949	5.194.158.090
Công cụ, dụng cụ	3.120.000	364.832.510
Thành phẩm	-	826.271.163
Hàng hoá	10.135.501.668	6.075.956.214
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(123.237.820)
	12.804.385.617	12.337.980.157

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.603.377	56.603.377
Thuế thu nhập cá nhân	362.859	362.859
	56.966.236	56.966.236

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	3.916.269	3.916.269
	3.916.269	3.916.269

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	6.317.086.555	1.662.651.755	35.816.000	8.015.554.310
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	6.317.086.555	1.662.651.755	35.816.000	8.015.554.310
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.147.782.789	619.910.550	35.816.000	2.803.509.339
Số tăng trong kỳ	281.044.100	172.008.412	-	453.052.512
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	281.044.100	172.008.412	-	453.052.512
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.428.826.889	791.918.962	35.816.000	3.256.561.851
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	4.169.303.766	1.042.741.205	-	5.212.044.971
Tại ngày cuối kỳ	3.888.259.666	870.732.793	-	4.758.992.459

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 427.120.560 VND.

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	7.500.000.000
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị kỹ thuật số ^[*]	-	7.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	132.000.000	132.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa	132.000.000	132.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(2.651.877.646)
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị kỹ thuật số	-	(2.651.877.646)
	132.000.000	4.980.122.354

[*] Công ty thực hiện chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Kỹ thuật số với số lượng cổ phần 75.000 giá chuyển nhượng theo mệnh giá 100.000 VND/ cổ phần.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	580.003.420	1.187.999.415
Số tăng trong kỳ	-	265.848.642
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(192.976.631)	(528.879.228)
Số dư cuối kỳ	387.026.789	924.968.829

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí thuê đất phân bổ dần	163.852.894	225.297.728
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	145.433.895	219.958.611
Chi phí trả trước dài hạn khác	77.740.000	134.747.081
	387.026.789	580.003.420

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	23.127.198	-
	23.127.198	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	21.127.778	21.127.778
Bảo hiểm xã hội	-	62.691.970
Các khoản phải trả, phải nộp khác	91.128.652	196.732.263
- <i>Phụ cấp phải trả Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát</i>	31.200.000	62.400.000
- <i>Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Thủ đô tiền tạm ứng cho hợp đồng không thực hiện</i>	-	40.000.000
- <i>Phải trả Công ty TNHH Tân Gia Khánh tiền tạm ứng cho hợp đồng không thực hiện</i>	-	30.000.000
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	59.928.652	64.332.263
	112.256.430	280.552.011

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	42.000.000.000	20.000.000	91.265.975	31.656.505	(3.544.516.342)	38.598.406.138
Lỗi trong kỳ trước	-	-	-	-	(130.548.453)	(130.548.453)
Số dư cuối kỳ trước	42.000.000.000	20.000.000	91.265.975	31.656.505	(3.675.064.795)	38.467.857.685
Số dư đầu năm nay	42.000.000.000	20.000.000	91.265.975	31.656.505	(4.384.098.763)	37.758.823.717
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	561.000.165	561.000.165
Số dư cuối kỳ này	42.000.000.000	20.000.000	91.265.975	31.656.505	(3.823.098.598)	38.319.823.882

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2014	Tỷ lệ	01/01/2014	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Công ty TNHH MTV Viện máy và Dụng cụ công nghiệp	6.042.000.000	14,39%	6.042.000.000	14,39%
Bà Vũ Thị Hạnh	5.138.170.000	12,23%	5.138.170.000	12,23%
Bà Tạ Thị Ngọc Thanh	3.957.750.000	9,42%	3.957.750.000	9,42%
Ông Hoàng Đức Hùng	2.977.000.000	7,09%	2.977.000.000	7,09%
Bà Trần Thị Ngọc Tuyết	2.621.460.000	6,24%	2.621.460.000	6,24%
Ông Vũ Quang Huy	2.500.000.000	5,95%	2.500.000.000	5,95%
Bà Nguyễn Thu Hà	2.300.000.000	5,48%	2.300.000.000	5,48%
Vốn góp của đối tượng khác	16.463.620.000	39,20%	16.463.620.000	39,20%
Cộng	42.000.000.000	100%	42.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	42.000.000.000	42.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	42.000.000.000	42.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	42.000.000.000	42.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.200.000	4.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đồng/cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	91.265.975	91.265.975
- Quỹ dự phòng tài chính	31.656.505	31.656.505
Cộng	122.922.480	122.922.480

15. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	11.940.454.542	7.789.643.636
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.473.172.541	7.193.929.572
	18.413.627.083	14.983.573.208

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	11.612.272.726	7.746.049.209
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.026.578.166	6.940.943.614
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(123.237.820)	
	17.515.613.072	14.686.992.823

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	245.650.863	253.885.934
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.280.000	5.288.574
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	801.721	-
	251.732.584	259.174.508

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.444.444	1.030.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(2.651.877.646)	-
	(2.644.433.202)	1.030.000

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	47.437.797	92.672.665
Chi phí nhân công	278.867.404	349.578.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	97.538.624
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	5.749.707
Hoàn nhập dự phòng	-	(950.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	849.670.570	829.024.575
Chi phí khác bằng tiền	259.782.655	228.011.416
	1.439.758.426	652.575.819

20. THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Thu từ bán phế phẩm, thanh lý vật tư	919.930.648	-
Thu từ phạt hợp đồng	50.000.000	-
Thu từ xử lý công nợ	70.000.000	-
Thu từ cho thuê văn phòng	479.999.996	-
Thu nhập khác	2.424.639	734.458
	1.522.355.283	734.458

21. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Các chi phí liên quan thanh lý vật tư	2.900.097.416	-
Chi phí cho thuê văn phòng	415.676.072	-
Chi phí khác	3.001	3.888.349
	3.315.776.489	3.888.349

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	561.000.165	(130.548.453)
Các khoản điều chỉnh tăng	27.000.000	27.000.000
- <i>Lương HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	27.000.000	27.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	6.081.721	5.288.574
- <i>Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ không chịu thuế TNDN</i>	801.721	-
- <i>Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN</i>	5.280.000	5.288.574
Thu nhập chịu thuế TNDN	594.081.886	(98.259.879)
Lỗi năm trước chuyển sang	(3.648.111.837)	(2.862.529.416)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	561.000.165	(130.548.453)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	561.000.165	(130.548.453)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	134	(31)

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	3.185.142.426	3.761.714.605
Chi phí nhân công	1.964.976.280	2.185.355.164
Chi phí khấu hao tài sản cố định	453.052.512	506.809.667
Hoàn nhập dự phòng	(123.237.820)	(950.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	942.841.712	830.824.575
Chi phí khác bằng tiền	859.227.452	1.303.256.266
	7.282.002.562	7.637.960.277

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.111.329.299	-	5.344.926.092	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.625.916.292	(309.308.998)	4.532.336.743	(309.308.998)
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	6.650.000.000	-
Đầu tư dài hạn	132.000.000	-	132.000.000	-
	26.869.245.591	(309.308.998)	16.659.262.835	(309.308.998)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	3.959.089.444	1.594.076.406
Chi phí phải trả	-	38.576.230
	3.959.089.444	1.632.652.636

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.111.329.299	-	3.111.329.299
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.316.607.294	-	13.316.607.294
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	132.000.000	132.000.000
Cộng	26.427.936.593	132.000.000	26.559.936.593
Tại ngày 01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.344.926.092	-	5.344.926.092
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.223.027.745	-	4.223.027.745
Các khoản cho vay	6.650.000.000	-	6.650.000.000
Đầu tư dài hạn	-	132.000.000	132.000.000
Cộng	16.217.953.837	132.000.000	16.349.953.837

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Cộng
	VND	VND
Tại ngày 30/06/2014		
Phải trả người bán, phải trả khác	3.959.089.444	3.959.089.444
	3.959.089.444	3.959.089.444
Tại ngày 01/01/2014		
Phải trả người bán, phải trả khác	1.594.076.406	1.594.076.406
Chi phí phải trả	38.576.230	38.576.230
Cộng	1.632.652.636	1.632.652.636

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động bán ô tô	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	11.940.454.542	6.473.172.541	18.413.627.083
Giá vốn	11.612.272.726	6.026.578.166	17.638.850.892
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	(123.237.820)
Lợi nhuận từ hoạt động KD	328.181.816	446.594.375	898.014.011
Tài sản bộ phận	28.879.237.962	15.656.044.711	44.535.282.673
Tài sản không phân bổ			132.000.000
Tổng tài sản	28.879.237.962	15.656.044.711	44.667.282.673
Nợ phải trả của các bộ phận	4.116.057.244	2.231.401.547	6.347.458.791
Tổng nợ phải trả	4.116.057.244	2.231.401.547	6.347.458.791

Toàn bộ hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty phát sinh tại khu vực Miền Bắc Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo Khu vực địa lý.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	75.200.000	103.200.000

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Vũ Quang Huy

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2014

Ngô Thu Hằng

Phụ trách kế toán